TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-TP. HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Đặng Thanh Giang

2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 540/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4415/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4886/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Bà Võ Hồng Ngọc T, sinh năm 1977
CCCD số: 0**177****2
Địa chỉ: 298 đường L1, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Hoàng Xuân H, sinh năm1972
CMND số: 26****68
Nơi cư trú cuối cùng: 298 Long Thuận, phường L, TP.Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Hồng Ngọc T trình bày:

Bà và ông Hoàng Xuân H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận X, Thành phố H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70,

quyển số 01, ngày 25/9/2003. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H không chăm lo gia đình, không quan tâm đến con cái. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Ông bà đã cố hàn gắn nhưng không được và ông H cũng bỏ đi đâu không rõ từ năm 2018. Bà đã làm thủ tục tuyên bố ông H mất tích và được Tòa án nhân dân T, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Quyết định số 775/2025/QĐST-DS ngày 28/5/2025. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông H nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Hoàng Ngọc Bảo N, sinh năm 2005 và Hoàng Gia Chi B, sinh năm 2007. Cả 02 con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Bị đơn ông Hoàng Xuân H*: Dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

- *Tại phiên tòa:*

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; 02 con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà T yêu cầu ly hôn ông H và ông H có địa chỉ cư trú cuối cùng tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

* Về thủ tục tố tụng:

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông H.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01, ngày 25/9/2003 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận X, Thành phố H cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông H xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Từ năm 2018, ông H bỏ đi đâu không rõ và cũng không liên lạc với gia đình. Bà T đã làm thủ tục tuyên bố ông H mất tích và được Tòa án nhân dân T, Thành phố H giải quyết theo Quyết định số 775/2025/QĐST-DS ngày 28/5/2025. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa Bà T và ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Võ Hồng Ngọc T được ly hôn với ông Hoàng Xuân H.

[2] Về con chung: Căn cứ 02 Giấy khai sinh số 1**/2005, ngày 19/12/2005 và số 1**/2007, ngày 09/11/2007 đều do Ủy ban nhân dân phường L, Quận X, Thành phố H cấp và lời khai của Bà T thì có đủ căn cứ xác định Bà T và Ông H có 02 người con chung tên Hoàng Ngọc Bảo N, sinh năm 2005 và Hoàng Gia Chi B, sinh năm 2007. Cả 02 con đều đã trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề nuôi dưỡng con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Hồng Ngọc T được ly hôn với ông Hoàng Xuân H.

2. Về con chung: Bà Võ Hồng Ngọc T và ông Hoàng Xuân H có 02 (Hai) con chung tên Hoàng Ngọc Bảo N, sinh năm 2005 và Hoàng Gia Chi B, sinh năm 2007. Cả 02 con đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, Bà Võ Hồng Ngọc T chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 00***9 ngày 25/9/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Hồng Ngọc T đã nộp đủ án phí.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01, ngày 25/9/2003 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận X (nay là phường L), Thành phố H cấp cho bà Võ Hồng Ngọc T và ông Hoàng Xuân H không còn giá trị pháp lý.

6. Bà Võ Hồng Ngọc T và ông Hoàng Xuân H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- Các đương sự;
- THADS TP.HCM;
- UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thúy Quỳnh